

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
Dự án hoàn thành có thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán

Tên dự án: Đài truyền thanh xã Quảng Thái.

Hạng mục: Hệ thống thiết bị tuyến thanh hữu tuyến

Mã dự án: 7581598.

Nhóm dự án: C

Chủ đầu tư: UBND xã Quảng Thái.

Cấp quyết định đầu tư: UBND huyện Quảng Điền.

Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền.

Quy mô công trình:

Được duyệt:

Hệ thống máy phát: Tăng âm truyền thanh Power amplifier mode EA 3000W 01 bộ; Tăng âm truyền thanh Power amplifier mode EA 1600W 01 bộ; Mixer 8 line 01 cái; Hệ thống biên tập chương trình: 01 hệ thống.

- Thiết bị và đường dây hữu tuyến: Loa nén 25w 50 cái; Biến áp loa 16 ôm 50 cái; Dây cáp truyền thanh đặt chùng HDPE 2Cu 11.000m; giá đỡ đường dây nhúng kẽm dùng cho đường dây PVC 2Cu 300 cái; Bách kẹp giá đỡ 300 cái, lắp đặt thiết bị chuyển giao công nghệ 01 trạm.

Thực hiện:

- Theo quy mô thiết kế và điều chỉnh được duyệt.

Tổng mức đầu tư được duyệt: **1.104.544.000 đồng**

Thời gian KC - HT: Được duyệt: Năm 2016

Thời gian KC - HT thực hiện: 05/7/2016 – 04/8/2016 .

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Quảng Điền, chúng tôi gồm có:

ĐẠI DIỆN PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH - CƠ QUAN THẨM TRA:

- Ông: Nguyễn Đức Phong

Chức vụ: Phó trưởng phòng.

- Ông: Văn Hữu Lân

Chức vụ: Chuyên viên.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ - UBND XÃ QUẢNG THÁI:

- Ông: Lê Ngọc Bảo

Chức vụ: Chủ tịch.

- Bà: Hoàng Thị Kim Ngân

Chức vụ: Kế toán ngân sách.

Trên cơ sở hồ sơ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành kèm theo Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 18/9/2019 của Chủ đầu tư, cơ quan thẩm tra đã thực hiện thẩm tra theo đúng trình tự quy định. Căn cứ kết quả thẩm tra, hai bên đã đi đến thống nhất như sau:

I. Các căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện thẩm tra:

- Căn cứ các Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước”;

- Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 27/07/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định Ban hành Quy định về trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước tỉnh Thừa thiên Huế.

-Căn cứ các Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn có liên quan đến quản lý đầu tư, quyết toán công trình xây dựng hoàn thành;

- Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Tên dự án: Đài truyền thanh xã Quảng Thái, Hạng mục: Hệ thống thiết bị truyền thanh hữu tuyến.

- Căn cứ Báo cáo Kiểm toán dự án hoàn thành công trình số 111T/2019/XDCB-FAC ngày 02/10/2019 của Công ty TNHH Kiểm toán độc lập FAC;

II. Thẩm tra hồ sơ pháp lý và các hợp đồng của dự án: Theo số liệu Báo cáo Kiểm toán DAHT của đơn vị Kiểm toán độc lập FAC.

II.3. Nhận xét đánh giá: Không

III. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư :

III.1. Nguồn vốn:

Đvt: đồng

Tên nguồn vốn	Theo quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn được thông báo	Số vốn đã được giải ngân		
			Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	Chênh lệch (+,-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
Tổng cộng					0
1.Vốn NSNN	1.104.544.000	1.011.352.000	1.011.352.000	1.011.352.000	
- NSTW, Tỉnh hỗ trợ (vốn NS)		900.000.000	900.000.000	900.000.000	
+ Năm 2016		900.000.000	900.000.000	900.000.000	
+ Năm 2017					

- NS huyện					0
+ Tạm ứng chưa hoàn ứng					
+ NS huyện cấp					
Năm 2017					
Năm 2018					
- NS xã Q.Thái (bao gồm huy động hợp pháp khác)		111.352.000	111.352.000	111.352.000	0
2.Vốn NDĐG					

III.2. Nhận xét, đánh giá:

1. Sự phù hợp của cơ cấu vốn đầu tư thực hiện so với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt: Phù hợp.

2. Sự chính xác về số liệu vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư: Phù hợp

IV. Thẩm tra chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

IV.1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi phí đầu tư	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán A-B	Kết quả kiểm toán	Kết quả thẩm tra			
					Số quyết toán	Tăng, giảm so với kết quả kiểm toán	Tăng, giảm so với dự toán được duyệt	Tăng, giảm so với quyết toán A-B
1	2	3	4	5	6	7=(6)-(5)	(8)=(6)-(3)	(9)=(6)-(4)
I	Đền bù GPMB					0		0
II	Xây dựng (bao gồm Chi phí chung)				0	0	0	0
III	Thiết bị	998.570	998.570	998.570	998.570	0	0	0
IV	Chi phí QLDA	19.290	19.290	19.290	19.290	0	0	0
V	Chi phí tư vấn đầu tư	21.028	12.782	12.782	12.782	0	-8.246	0
1	Khảo sát, Lập BCKTKT	12.782	12.782	12.782	12.782	0	0	0
1.1	Khảo sát		0	0	0	0	0	0
1.2	Lập BCKTKT	12.782	12.782	12.782	12.782	0	0	0
2	Thẩm tra dự toán TKKT	326			0	0	-326	0
3	Lựa chọn nhà thầu	1.000				0	-1.000	0
4	Giám sát thi công XD	6.420		0	0	0	-6.420	0
5	Giám sát, đánh giá dự án		0	0				
6	Thẩm định HSYC +Kết quả LCNT	500	0		0	0	-500	0
VI	Chi khác	13.059	12.850	12.439	6.939	-5.500	-6.120	-5.911
1	Thẩm định BCKTKT và DT	209	0	0	0	0	-209	0
2	Thẩm định giá	5.500	5.500	5.500	0	-5.500	-5.500	-5.500



3	Bảo hiểm công trình		0	0	0	0	0	0
4	Chi phí quyết toán	7.350	7.350	6.939	6.939	0	-411	-411
5	Chi phí kiểm toán		0	0	0			
VII	Dự phòng	52.597	0		0	0		0
	Tổng cộng	1.104.544	1.043.492	1.043.081	1.037.581	-5.500	-14.366	-5.911

IV.2. Nhận xét, đánh giá:

1- **Thẩm tra chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; chi phí trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư:** Không

2- **Thẩm tra chi phí xây dựng:** Căn cứ Theo số liệu Báo cáo Kiểm toán DAHT của đơn vị Kiểm toán độc lập FAC.

3- **Chi phí thiết bị:** Không.

4- **Chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn do chủ đầu tư thực hiện:**

- Việc áp dụng định mức để xác định tổng mức được trích của chi phí quản lý dự án phù hợp với định mức quy định. Mức trích đề nghị quyết toán phù hợp với quy định.

5- **Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình và chi phí khác:**

- Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình đề nghị quyết toán cao so với tỷ lệ % định mức được quy định tại thời điểm hiện hành.

6- **Nhận xét, đánh giá khác:**

V. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: Không.

VI. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

VI.1. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	Nhóm tài sản	Số chủ đầu tư quyết toán	Số liệu đơn vị Kiểm toán độc lập	Số sau khi thẩm tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)
	Tổng số	1.043.492	1.043.081	1.037.581	-5.911
1	Tài sản dài hạn (cố định)	1.043.492	1.043.081	1.037.581	-5.911
2	Tài sản ngắn hạn	0		0	0

VI.2. Nhận xét, đánh giá:

VII. Thẩm tra xác định công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

VII.1. Cân đối nguồn vốn:

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nguồn vốn	Tổng giá trị quyết toán được duyệt	Kế hoạch vốn đã được bố trí	Số vốn đã thanh toán, giải ngân	Kế hoạch vốn đã bị hủy bỏ	Thừa, thiếu vốn (+,-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)-(5)
1	Vốn ngân sách Nhà nước. Trong đó:	1.037.581	1.011.352	1.011.352		26.229
	-Ngân sách TW, Tỉnh hỗ trợ ()	900.000	900.000	900.000		

	-Ngân sách Tỉnh và các nguồn hợp pháp khác					
	-Ngân sách huyện					
	Trong đó: Tạm ứng chưa thanh toán					
	-Ngân sách xã Quảng Thái và vốn huy động do xã quản lý	137.581	111.352	111.352		26.229
2	Vốn Nhân dân đóng góp					0
3	Vốn TD ĐTPT của Nhà nước					
4	Vốn TD Nhà nước bảo lãnh					
5	Vốn ĐTPT của đơn vị					
6	Vốn khác					

VII.2. Công nợ phải thu, phải trả:

Đvt: 1.000 đồng

T	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung, công việc, hợp đồng thực hiện	Phải thu		Phải trả		Chênh lệch (+,-)
			Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi kiểm toán/ thẩm tra	Số chủ đầu tư quyết toán	Số sau khi thẩm tra	
	Cân đối vốn sau khi quyết toán		32.140	26.229	32.140	26.229	-5.911
1	Ngân sách xã Quảng Thái cấp bổ sung để thanh toán	Thanh toán các khoản chi phí còn thiếu	32.140	26.229			
2	Ban QLD án xây dựng công trình thuộc UBND xã Quảng Thái	Chi phí quản lý dự án xây dựng công trình			19.290	19.290	
3	Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán			7.350	6.939	

Nguyên nhân tăng, giảm:

+ Giảm: Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình giảm do tính theo căn cứ báo cáo Kiểm toán. Chi phí thẩm định giá thiết bị công trình giảm do không đầy đủ hồ sơ.

+ Tăng: Không.

VII.3. Kiểm tra, xác định giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: không

VIII. Thẩm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán:

****Đánh giá tình hình thực hiện báo cáo kết quả kiểm toán:**

Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập do Công ty TNHH kiểm toán FAC thực hiện về cơ bản đã tuân thủ theo các chuẩn mực Kiểm toán và chuẩn mực số 1000 – Kiểm toán báo cáo quyết toán DAHT

IX. Kết luận và kiến nghị:

- Đề nghị Chủ đầu tư kiểm tra công nợ còn lại trước khi đơn vị thẩm tra trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Đề nghị Chủ đầu tư có báo cáo giải trình (kèm theo các hồ sơ tài liệu có liên quan) các nội dung chưa thống nhất tại biên bản này (nếu có) và gửi về phòng Tài chính Kế hoạch huyện trước ngày 17/12/2019. Sau thời hạn nói trên nếu không có phản hồi nào xem như đơn vị đã thống nhất số liệu nói trên Phòng sẽ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Đề nghị chủ đầu tư lập các thủ tục tổ chức quản lý, bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Kính đề nghị Lãnh đạo huyện xem xét phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo nội dung và số liệu đã được thống nhất tại Biên bản này.

Chúng tôi thống nhất theo nội dung và số liệu của Biên bản này và cùng ký tên dưới đây. Biên bản được lập thành 03 bản, Chủ đầu tư giữ 01 bản, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện giữ 02 và có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện cơ quan thẩm tra
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH
Chuyên viên Phó trưởng phòng

Đại diện Chủ đầu tư
UBND XÃ QUẢNG THÁI
Chủ tịch Kế toán ngân sách








Văn Hữu Lân

Nguyễn Đức Phong

Lê Ngọc Bảo

Hoàng Kim Ngân